

# **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CÁC NGÀNH HỆ CAO ĐẲNG**

**Tên ngành, nghề** : DƯỢC

**Mã ngành, nghề** : 6720201

**Trình độ đào tạo** : Cao Đẳng

**Hình thức đào tạo** : Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:**

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương trở lên;
- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT.

**Thời gian đào tạo** : 3,0 năm

## **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo người Dược sĩ trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể**

### **1.2.1. Về kiến thức**

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa học (vô cơ, hữu cơ, hóa phân tích), thực vật vào chuyên môn dược.

- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam.

- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược;

- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu;

- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;

- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc;

- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các các dạng bào chế;

- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm);

- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng;

- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm;

- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc.

- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng

- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp

- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi;
- Phân tích được được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú ... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.
- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng;
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp;
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý;
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP;
- Phân công công việc, giám sát công việc thực hiện của từng thành viên trong tổ sản xuất, kho thuốc, quầy thuốc;
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm;
- Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định
- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định;
- Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển;
- Kiểm soát điều kiện môi trường thử nghiệm theo đúng quy định;
- Hủy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng theo đúng quy định;
- Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản;
- Giám sát được quá trình sản xuất theo đúng quy định;
- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân;
- Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ;
- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý;
- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định;
- Lập được chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc;
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình;
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy

định;

- Xử lý dược thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi;
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng;
- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao;
- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR);
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;
- Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành dược;
- Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm – thực phẩm;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu - hóa chất;
- Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc – mỹ phẩm – thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả;
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm;
- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;
- Đảm bảo chất lượng;
- Bán lẻ thuốc;
- Thực hiện công tác kho dược và vật tư y tế;
- Thủ kho dược và vật tư y tế;
- Kinh doanh dược phẩm;
- Sản xuất thuốc;
- Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế.

#### **\* Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học

công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các học phần chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1	Chính trị	4	75	41	29	5
2	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
5	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
6	Tin học	3	75	15	58	2
<b>II</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>95</b>	<b>2355</b>	<b>775</b>	<b>1491</b>	<b>89</b>
<b>II.1</b>	<b>Học phần cơ sở</b>	<b>24</b>	<b>465</b>	<b>246</b>	<b>191</b>	<b>28</b>
7	Xác suất - Thống kê y dược	3	60	30	25	5
8	Vật lý đại cương và lý sinh	3	60	28	30	2
9	Sinh học và Di truyền	2	30	25	0	5
10	Hoá học đại cương - Vô cơ	3	60	28	30	2
11	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	60	30	26	4
12	Giải phẫu sinh lý	4	75	45	27	3
13	Hoá hữu cơ	3	60	30	26	4
14	Hóa phân tích	3	60	30	27	3
<b>II.2</b>	<b>Học phần chuyên ngành</b>	<b>50</b>	<b>1035</b>	<b>514</b>	<b>460</b>	<b>61</b>
15	Thực vật dược	4	75	45	24	6
16	Đọc, viết tên thuốc	2	45	15	27	3
17	Bệnh học	3	60	30	27	3
18	Pháp chế dược	2	45	20	23	2
19	Bào chế	3	60	30	27	3
20	Hóa dược	3	60	30	27	3
21	Dược liệu	3	60	30	27	3
22	Dược lý	3	60	30	27	3
23	Kiểm nghiệm thuốc	3	60	30	27	3
24	Quản lý tồn trữ thuốc	2	45	15	27	3
25	Hoá sinh	2	45	42	0	3
26	Dược lâm sàng	3	60	30	26	4
27	Độc chất học	2	45	20	23	2
28	Dược học cổ truyền	3	60	30	26	4
29	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	2	45	15	28	2
30	Marketing dược	2	45	15	26	4
31	Kinh tế dược	2	45	15	26	4

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
32	Tiếng anh chuyên ngành	2	30	28	0	2
32	Nghề nghiệp - Đạo đức người dược sĩ	2	45	29	14	2
32	Nghiên cứu khoa học	2	45	15	28	2
<b>II.3</b>	<b>Thực tập, thực tập và khóa luận TN</b>	<b>15</b>	<b>645</b>	<b>15</b>	<b>630</b>	<b>0</b>
34	Thực tập cơ sở 1	4	180	0	180	4T
35	Thực tập cơ sở 2	6	270	0	270	6T
36	Thực tập tốt nghiệp	3	135	0	135	3T
37	Khóa luận tốt nghiệp	2	60	15	45	2T
<b>Tổng cộng</b>		<b>109</b>	<b>2580</b>	<b>932</b>	<b>1536</b>	<b>112</b>

**Tên ngành, nghề** : ĐIỀU DƯỠNG

**Mã ngành, nghề** : 6720301

**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng

**Hình thức đào tạo** : Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:**

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương trở lên;
- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT.

**Thời gian đào tạo** : 2,5 đến 3 năm (Tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định)

### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ nâng cao sức khỏe nhân dân, hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **1.2.1. Kiến thức**

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;
- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;
- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

#### **1.2.2. Kỹ năng**

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;

- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều dưỡng phòng khám;
- Điều dưỡng chăm sóc;
- Điều dưỡng cộng đồng.

#### **\* Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Điều dưỡng trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Mã MH/MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập /bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các học phần chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1	Chính trị	4	75	41	29	5
2	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
5	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
6	Tin học	3	75	15	58	2

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập /bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>II</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>70</b>	<b>1380</b>	<b>659</b>	<b>664</b>	<b>57</b>
<b>II.1</b>	<b>Học phần cơ sở</b>	<b>28</b>	<b>510</b>	<b>276</b>	<b>208</b>	<b>26</b>
7	Xác xuất thống kê	3	45	30	13	2
8	Vi sinh-Ký sinh trùng	3	45	30	13	2
9	Dinh dưỡng - tiết chế	3	45	30	13	2
10	Giải phẫu - sinh lý	4	75	45	26	4
11	Hóa sinh	2	30	20	8	2
12	Giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2	45	15	26	4
13	Sinh lý bệnh	3	45	30	13	2
14	Nghề nghiệp-Đạo đức điều dưỡng	2	45	19	24	2
15	Pháp luật và Tổ chức y tế	2	45	19	24	2
16	Dược lý	2	45	19	24	2
17	Sinh học và di truyền	2	45	19	24	2
<b>II.2</b>	<b>Học phần chuyên ngành</b>	<b>42</b>	<b>870</b>	<b>383</b>	<b>456</b>	<b>31</b>
18	Kỹ thuật điều dưỡng và điều dưỡng cơ bản	7	150	45	100	5
19	Tiếng Anh chuyên ngành	3	60	30	28	2
20	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	3	60	30	28	2
21	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	45	25	18	2
22	Chăm sóc cấp cứu-Hồi sức tích cực	3	60	30	28	2
23	CSSK người bệnh cao tuổi	3	60	30	28	2
24	CSSK cộng đồng	3	60	28	30	2
25	Phục hồi chức năng	2	45	25	18	2
26	Quản lý Điều dưỡng-NCKH	2	45	14	29	2
27	CSSK người lớn bệnh nội khoa	3	60	28	30	2
28	CSSK tâm thần	2	45	14	29	2
29	CSSK người lớn bệnh ngoại khoa	3	60	28	30	2
30	CSSK trẻ em	3	60	28	30	2
31	CSSK phụ nữ- Bà mẹ và Gia đình	3	60	28	30	2
<b>III</b>	<b>Thực tập và Khóa luận TN</b>	<b>16</b>	<b>690</b>	<b>15</b>	<b>675</b>	<b>0</b>
32	Thực tập bệnh viện đợt 1	5	225	0	225	7T
33	Thực tập bệnh viện đợt 2	5	225	0	225	7T
34	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180	5T
35	Khóa luận tốt nghiệp	2	60	15	45	2T
<b>Tổng cộng</b>		<b>106</b>	<b>2505</b>	<b>831</b>	<b>1594</b>	<b>80</b>



**Tên ngành, nghề** : QUẢN TRỊ KINH DOANH

**Mã ngành, nghề** : 6340404

**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng

**Hình thức đào tạo** : Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:**

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT.

**Thời gian đào tạo** : 2,5 năm

### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo cử nhân trình độ cao đẳng ngành quản trị kinh doanh (QTKD), có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc; Có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tự tìm việc làm, nâng cao dần và ổn định thu nhập. Đồng thời, người học có khả năng học tập lên bậc đào tạo cao hơn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

Đào tạo trình độ cao đẳng yêu cầu người học có năng lực thực hiện được công việc của trình độ cao đẳng và giải quyết được các công việc có tính chất phức tạp của ngành hoặc nghề; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc, cụ thể:

#### **1.2.1. Về kiến thức**

- Trình bày được khái niệm cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh, hành chính, nhân sự, marketing, trợ lý;
- Giải thích được các quyền và nghĩa vụ của người lao động theo Luật lao động;
- Xác định được nội dung và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của tổ chức;
- Liệt kê được các trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân khi làm việc nhóm;
- Xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với loại hình tổ chức;
- Giải thích và phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;
- Xác định được quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Xác định được quy trình thực hiện công việc, nhật ký công việc;
- Mô tả được quy trình và cách thức thực hiện công việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Giải thích được các quy luật kinh tế, các biến số môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động của tổ chức;
- Cập nhật được các quy định, chính sách về hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

#### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Lập được kế hoạch thực hiện công việc;
- Vận hành được hệ thống tiêu thụ sản phẩm sẵn có tại đơn vị một cách hiệu quả;
- Dự báo và tìm kiếm được cơ hội kinh doanh;
- Lập được báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;
- Cung cấp được các thông tin kinh tế - xã hội về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị và các cơ quan quản lý có liên quan;

- Xác định được chiến lược kinh doanh tại đơn vị bộ phận;
- Tham mưu cho lãnh đạo những ý kiến cải tiến công tác quản trị phù hợp với từng giai đoạn kinh doanh;
- Thiết lập được mối quan hệ giữa đơn vị với các đối tác;
- Giải quyết được những khiếu nại, thắc mắc của khách hàng trong mọi trường hợp;
- Tạo lập và khởi nghiệp được tổ chức mới với quy mô vừa và nhỏ;
- Tổ chức thực hiện được các biện pháp vệ sinh an toàn lao động;
- Phát hiện và đề phòng được rủi ro và mối nguy hại tại nơi làm việc;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội qui làm việc tại doanh nghiệp, đơn vị;
- Giao tiếp hiệu quả thông qua văn bản viết, thuyết trình, thảo luận và làm chủ tình huống;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc với cộng đồng xã hội; có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;
- Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra;
- Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật lao động, chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh;
- Làm việc có phương pháp khoa học có tính tổ chức kỷ luật và trách nhiệm với công việc; biết phân tích, giải quyết vấn đề, đúc kết kinh nghiệm, cải tiến công việc được giao; có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, biết đoàn kết và phối hợp, hợp tác, tự tin, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp trong công việc;
- Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;
- Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;
- Thích ứng được với sự thay đổi trong các thời kỳ công nghệ 4.0.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Nhân sự;
- Kinh doanh;
- Hành chính;
- Marketing;
- Trợ lý,

#### **\* Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề quản trị kinh doanh, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các học phần chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1	Chính trị	4	75	41	29	5
2	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
5	Tin học	3	75	15	58	2
6	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	5	120	42	72	6
<b>II</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>47</b>	<b>1020</b>	<b>358</b>	<b>597</b>	<b>65</b>
<b>II.1</b>	<b>Học phần cơ sở</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>103</b>	<b>135</b>	<b>17</b>
7	Kinh tế vi mô	2	45	15	27	3
8	Luật kinh tế	2	30	28	0	2
9	Marketing căn bản	2	45	15	27	3
10	Nguyên lý kế toán	2	45	15	27	3
11	Thống kê doanh nghiệp	2	45	15	27	3
12	Tin học ứng dụng trong KD	2	45	15	27	3
<b>II.2</b>	<b>Học phần chuyên ngành</b>	<b>35</b>	<b>765</b>	<b>255</b>	<b>462</b>	<b>48</b>
13	Quản trị học	2	45	15	27	3
14	Quản trị nguồn nhân lực	2	45	15	27	3
15	Quản trị chiến lược	2	45	15	27	3
16	Giao tiếp và Đàm phán KD	2	45	15	27	3
17	Quản trị tài chính DN	2	45	15	27	3
18	Quản trị Marketing	2	45	15	27	3
19	Quản trị sản xuất	2	45	15	27	3
20	Quản trị bán hàng	2	45	15	27	3
21	Thuế	2	45	15	27	3
22	Tiếng anh chuyên ngành	3	60	20	37	3
23	Phân tích hoạt động KD	3	60	20	37	3
24	Quản trị chất lượng	2	45	15	27	3
25	Tổ chức sự kiện	2	45	15	27	3
26	Tín dụng và thanh toán quốc tế	2	45	15	27	3
27	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	60	20	37	3
28	Thương mại điện tử	2	45	15	27	3
<b>III</b>	<b>Thực tập tại cơ sở và TN</b>	<b>17</b>	<b>705</b>	<b>30</b>	<b>675</b>	<b>0</b>
29	Thực tập tại cơ sở 1	5	225	0	225	5 tuần
30	Thực tập tại cơ sở 2	5	225	0	225	5 tuần
31	Thực tập tốt nghiệp	5	195	15	180	5 tuần
32	Khóa luận tốt nghiệp	2	60	15	45	2 tuần

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
<b>Tổng cộng</b>		<b>84</b>	<b>2160</b>	<b>545</b>	<b>1527</b>	<b>88</b>

**Tên ngành, nghề** : QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

**Mã ngành, nghề** : 6810201

**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng nghề

**Hình thức đào tạo** : Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh**: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương trở lên;

**Thời gian đào tạo** : 2,5 năm

### **1.1. Mục tiêu chung**

- Chương trình đào tạo Cao đẳng nghề “Quản trị khách sạn” nhằm trang bị cho người học có kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành về các nghiệp vụ cơ bản của khách sạn như: lễ tân, nhà hàng, buồng, ăn uống, phục vụ tiệc, hội nghị hội thảo. Với các môn học tự chọn được phân ba nhóm gắn với ba chuyên ngành hẹp: quản trị lễ tân, quản trị nhà hàng và quản trị buồng phòng, người học có thể lựa chọn con đường thăng tiến, phát triển nghề nghiệp của mình theo một trong ba lĩnh vực đã nêu;

- Bên cạnh kiến thức, kỹ năng chung và chuyên sâu, chương trình đào tạo còn trang bị cho người học đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, phong cách chuyên nghiệp và sức khỏe tốt;

- Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm tại bộ phận lưu trú, nhà hàng hoặc hội nghị hội thảo; có thể đảm nhận các vị trí giám sát tại khách sạn vừa và lớn hoặc quản lý khách nhỏ khi có cơ hội thăng tiến.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **1.2.1. Kiến thức**

- Xác định được các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật và văn hóa xã hội phù hợp với chuyên ngành như: Luật du lịch, Luật bảo vệ môi trường, Pháp luật trong kinh doanh, Luật kinh tế...;

- Trình bày được những hiểu biết khái quát về ngành du lịch, tổng quan về du lịch và khách sạn nhà hàng;

- Mô tả được vị trí, vai trò của lĩnh vực khách sạn - nhà hàng trong ngành du lịch và đặc trưng của hoạt động và tác động của khách sạn - nhà hàng về mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường;

- Trình bày được cơ cấu tổ chức, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong khách sạn; mối quan hệ giữa các bộ phận trong khách sạn và đề xuất được các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khách sạn;

- Trình bày được nguyên lý, quy trình quản trị nói chung, quản trị quá trình điều hành khách sạn, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực, quản trị cơ sở vật chất và quản trị các bộ phận nghiệp vụ chuyên môn như: Lễ tân, buồng, ẩm thực;

- Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của khách sạn: nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ phòng, nghiệp vụ nhà hàng, pha chế thức uống và chế biến món ăn;

- Mô tả được các quy trình quản lý của các bộ phận lễ tân, phòng, nhà hàng, bếp;

- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ chủ yếu tại khách sạn và công dụng của chúng;

- Trình bày được tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khách sạn và cách thức đánh giá chất lượng;

- Mô tả được quy trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc tại các bộ phận của khách sạn;

- Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong khách sạn để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Giao tiếp tốt với khách hàng, phù hợp với yêu cầu phục vụ khách tại tất cả các vị trí của các bộ phận trong khách sạn như: bộ phận lễ tân, bộ phận buồng, nhà hàng hoặc bộ phận yến tiệc, hội nghị - hội thảo;

- Chăm sóc khách hàng và giải quyết phàn nàn của khách hàng có hiệu quả;

- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị khách sạn;

- Thực hiện đúng quy trình phục vụ khách hàng tại các vị trí công việc của bộ phận lễ tân, buồng, nhà hàng hoặc khu vực hội nghị, hội thảo theo tiêu chuẩn của khách sạn;

- Thực hiện đúng quy trình quản lý tại các vị trí công việc của quản lý bộ phận lễ tân, buồng, nhà hàng theo tiêu chuẩn của khách sạn;

- Quản lý nhân sự, tài sản, công cụ và tài chính tại các bộ phận lễ tân, buồng, nhà hàng theo đúng tiêu chuẩn qui định của khách sạn;

- Thực hiện đánh giá năng lực và đào tạo nhân viên đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp;

- Chủ trì hoặc tham gia xây dựng được một số kế hoạch của các bộ phận như: kế hoạch marketing, kế hoạch nhân sự, kế hoạch mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc sự kiện;

- Lập được các loại báo cáo, soạn thảo được văn bản đối nội, hợp đồng thông dụng của khách sạn - nhà hàng;

- Ứng dụng được phần mềm quản trị khách sạn trong công việc hàng ngày;

- Phân tích, đánh giá được kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận lưu trú, ăn uống, hội nghị, hội thảo và phát hiện ra được các nguyên nhân và đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao kết quả hiệu quả kinh doanh;

- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;

- Tôn trọng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp;

- Thân thiện, cởi mở, sẵn sàng phục vụ và bảo đảm an toàn sức khỏe, tính mạng khách du lịch;

- Có tinh thần hợp tác làm việc nhóm; thiện chí trong tiếp nhận ý kiến và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc;

- Có ý thức tự học, tự bồi dưỡng, trau dồi kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thích ứng với sự phát triển của thực tiễn trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ du lịch;

- Rèn luyện khả năng chịu áp lực cao trong công việc, khả năng thích ứng, linh hoạt trong xử lý tình huống, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong quá trình tác nghiệp.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Lễ tân;
- Buồng;
- Nhà hàng;
- Kinh doanh - tiếp thị;
- Phụ bar;
- Phụ bếp;
- An ninh;
- Quản lý lễ tân;
- Quản lý buồng;
- Quản lý nhà hàng;

**\* Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Quản trị khách sạn trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các học phần chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
2	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
5	Tin học	3	75	15	58	2
6	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	5	120	42	72	6
<b>II</b>	<b>Môn học, mô đun C. môn bắt buộc</b>	<b>48</b>	<b>1035</b>	<b>330</b>	<b>661</b>	<b>44</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>12</b>	<b>270</b>	<b>90</b>	<b>168</b>	<b>12</b>
7	Kinh tế vi mô	2	45	15	28	2
8	Tổng quan du lịch, khách sạn	2	45	15	28	2
9	Quản trị học	2	45	15	28	2
10	Giao tiếp trong kinh doanh	2	45	15	28	2
11	Quản lý chất lượng dịch vụ	2	45	15	28	2
12	Thống kê doanh nghiệp	2	45	15	28	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>36</b>	<b>765</b>	<b>240</b>	<b>493</b>	<b>32</b>
13	Tiếng anh chuyên ngành QTKS	3	45	15	28	2
14	Marketing du lịch	2	45	15	28	2
15	Nghiệp vụ lễ tân	3	60	15	43	2
16	Nghiệp vụ buồng phòng	3	60	15	43	2

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
17	Nghiệp vụ nhà hàng	3	60	15	43	2
18	Nghiệp vụ thanh toán	2	45	15	28	2
19	Nghiệp vụ bar	2	45	15	28	2
20	Tâm lý khách du lịch	2	45	15	28	2
21	Tổ chức sự kiện	2	45	15	28	2
22	Phát triển du lịch bền vững	2	45	15	28	2
23	Luật du lịch	2	45	15	28	2
24	Quản trị khách sạn	2	45	15	28	2
25	Quản trị nguồn nhân lực	2	45	15	28	2
26	An toàn thực phẩm	2	45	15	28	2
27	Quản trị tài chính doanh nghiệp du lịch	2	45	15	28	2
28	Quản trị các dịch vụ giải trí	2	45	15	28	2
<b>III</b>	<b>Thực tập tại cơ sở và TN</b>	<b>13</b>	<b>525</b>	<b>30</b>	<b>495</b>	<b>0</b>
29	Thực tập tại cơ sở 1	3	135	0	135	6 tuần
30	Thực tập tại cơ sở 2	3	135	0	135	6 tuần
31	Thực tập tốt nghiệp	5	195	15	180	6 tuần
32	Khóa luận tốt nghiệp	2	60	15	45	2 tuần
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>81</b>	<b>1995</b>	<b>517</b>	<b>1411</b>	<b>67</b>



**Tên ngành, nghề : CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**Mã ngành, nghề : 6480201**

**Trình độ đào tạo : Cao đẳng**

**Hình thức đào tạo : Chính quy**

**Đối tượng tuyển sinh:**

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT.

**Thời gian đào tạo:** 2,5 năm

### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo kỹ sư thực hành ngành Công nghệ thông tin để cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực Công nghệ thông tin cho xã hội.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

Kỹ sư thực hành ngành Công nghệ thông tin được trang bị các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp sau:

- Kiến thức chung: Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

- Kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp:

Sinh viên hệ Kỹ sư thực hành ngành Công nghệ thông tin (CNTT) có được các khả năng sau khi tốt nghiệp:

- a. Có khả năng thiết lập và quản trị các dịch vụ CNTT cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- b. Có kỹ năng làm việc nhóm và tham gia vào các dự án CNTT .
- c. Hiểu biết về đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm kỹ sư CNTT
- d. Biết được nhu cầu học tập để phát triển chuyên môn.
- e. Sử dụng được các công cụ, kỹ thuật thông dụng để ứng dụng CNTT vào các lĩnh vực thực tế: quản trị hệ thống mạng, quản trị cơ sở dữ liệu, thiết kế web và thực hành thương mại điện tử.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Nhân viên công nghệ thông tin ở các doanh nghiệp có sử dụng CNTT. Có khả năng tham gia vào các vị trí việc làm sau:

(1) Quản trị hệ thống cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với các vị trí việc làm và kỹ năng kèm theo:

- Hỗ trợ người dùng
  - Xác định được lỗi và cách thức giải quyết lỗi từ người dùng cuối.
  - Sử dụng được các hệ điều hành khác nhau.
  - Giải thích được quá trình chứng thực và cấp phép tài nguyên cho người dùng
  - Xác định được các thành phần cơ bản của 1 hệ thống CNTT cho người dùng cuối
  - Thiết lập được các thiết bị, phần mềm đáp ứng 1 ngữ cảnh cho trước
  - Sử dụng được các thiết bị thông dụng để bảo mật hệ thống CNTT
- Quản trị hệ thống mạng
  - Thực hiện được các kỹ thuật dò lỗi cơ bản trên hệ thống mạng
  - Lập sơ đồ gồm các thành phần cơ bản của 1 hệ thống tích hợp
  - Biết các mô hình mạng khác nhau

- Thiết lập được an ninh cho hệ thống bằng các kỹ thuật thông dụng
- (2) Quản trị cơ sở dữ liệu cho các doanh nghiệp
- Cài đặt và cấu hình được một số hệ quản trị CSDL
  - Tạo, cấu hình một cơ sở dữ liệu cho doanh nghiệp bằng hệ quản trị CSDL SQL Server theo đúng quy trình nghiệp vụ.
  - Thực hiện truy vấn được các dữ liệu từ CSDL theo yêu cầu của doanh nghiệp
  - Dùng ngôn ngữ lập trình T-SQL để viết các thủ tục, hàm, bẫy lỗi để giải quyết các yêu cầu nghiệp vụ của doanh nghiệp
  - Thực hiện được các tác vụ quản trị CSDL như: cấp phát và thu hồi quyền cho các người dùng; sao lưu định kỳ và phục hồi dữ liệu khi hệ thống gặp sự cố; thiết lập được kế hoạch làm gia tăng độ sẵn sàng của CSDL
- (3) Thiết kế web và thực hành thương mại điện tử
- Sinh viên có thể thiết kế được một website thương mại điện tử cho doanh nghiệp.
  - Có khả năng quản trị được hệ thống website cho công ty.

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH 01	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	4	75	36	35	4
MH 05	Tiếng Anh	3	120	42	72	6
MH 06	Tin học	5	75	15	58	2
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>65</b>	<b>1785</b>	<b>369</b>	<b>1355</b>	<b>61</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>20</b>	<b>510</b>	<b>140</b>	<b>352</b>	<b>18</b>
MH07	Lập trình căn bản	3	75	25	47	3
MH08	Đồ họa ứng dụng 1	3	60	15	43	2
MH09	Lắp ráp, cài đặt và bảo trì máy tính	2	60	15	43	2
MH10	Cơ sở dữ liệu	2	60	15	43	2
MH11	Đồ họa ứng dụng 2	3	60	15	43	2
MH12	Mạng máy tính	2	60	15	43	2
MH13	Cấu trúc dữ liệu & Giải thuật	3	75	25	47	3
MH14	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	2	60	15	43	2
<b>II.2</b>	<b>Học phần chuyên môn</b>	<b>45</b>	<b>1275</b>	<b>229</b>	<b>1003</b>	<b>43</b>
MH15	Anh văn chuyên ngành	2	60	15	43	2
MH16	Thiết kế web	3	75	15	57	3
MH17	Lập trình hướng đối tượng	3	60	15	43	2

Mã MH/ MD	Tên môn học/mô đun	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH18	Quản trị Windows Server 1	3	75	15	57	3
MH19	Quản trị cơ sở dữ liệu với SQL server	3	75	15	57	3
MH20	Hệ quản trị nội dung CMS	2	60	15	43	2
MH21	Lập trình Java Script	3	75	15	57	3
MH22	Lập trình web	3	90	17	69	4
MH23	Đồ án Web	2	45	15	28	2
MH24	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng	3	75	15	57	3
MH25	Quản trị Windows Server 2	3	75	15	57	3
MH26	Lập trình Java nâng cao	3	90	15	72	3
MH27	Quản lý dự án CNTT	2	45	15	28	2
MH28	Kiểm thử phần mềm	2	60	15	43	2
MH29	Thực tập tốt nghiệp	5	225	2	220	3
MH30	Khóa luận tốt nghiệp / môn thay thế	3	90	15	72	3
	(a) Lập trình web nâng cao	3	90	15	72	3
	(b) Quản trị windows server nâng cao	3	90	15	72	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>85</b>	<b>2220</b>	<b>526</b>	<b>1610</b>	<b>84</b>

**Tên ngành, nghề** : TIN HỌC ỨNG DỤNG

**Mã ngành, nghề** : 6480205

**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:**

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT.

**Thời gian đào tạo** : 2,5 năm

### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Cao đẳng Tin học ứng dụng nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật làm việc trong ngành công nghệ thông tin. Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo này có khả năng: Thiết kế, cài đặt và quản trị hệ thống mạng doanh nghiệp; Sửa đổi, cập nhật thông tin của hệ thống web đang hoạt động; Tiếp nhận và bảo trì các hệ thống web; Quản trị hệ thống web; Khắc phục các sự cố của hệ thống web; Thiết kế đồ họa và Triển khai các ứng dụng thương mại điện tử. Đồng thời, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên các trình độ cao hơn.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **1.2.1. Về kiến thức**

- Nhận biết ngôn ngữ lập trình căn bản, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, phân loại các thiết bị văn phòng. Phân biệt các thiết bị phần cứng trong máy tính. Trình bày lại các bước cài đặt phần mềm ứng dụng. Phân tích và thiết kế được các chương trình ứng dụng cơ bản trong công tác văn phòng. Áp dụng mã nguồn mở trong thiết kế trang Web.

- Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội; có khả năng vận dụng chúng vào việc tiếp cận, ứng dụng các thông tin và kiến thức mới; có khả năng khai thác, nghiên cứu và sử dụng khoa học cơ bản vào ngành học.

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính;
- Trình bày được kiến thức nền tảng về mạng máy tính;
- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp để hoạch định, thiết kế và xây dựng, cài đặt và cấu hình, vận hành và quản trị, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp hệ thống mạng máy tính;

- Phân tích, đánh giá được mức độ an toàn của hệ thống mạng và các biện pháp bảo vệ hệ thống mạng;

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về phát triển các ứng dụng trên mạng;

- Tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

#### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống thông tin cho các cơ quan, trường học, doanh nghiệp (các mô hình vừa và nhỏ). Sử dụng thành thạo các hệ cơ sở dữ liệu phổ biến. Sử dụng thành thạo bộ tin học văn phòng MS Office hoặc OpenOffice

- Thiết kế, lắp đặt, vận hành và bảo trì hệ thống mạng cục bộ cho các cơ quan doanh nghiệp. Tiếp cận được các công nghệ mạng mới và biết trong vấn đề bảo mật mạng.

- Xây dựng, điều hành, quản lý và phát triển chương trình đào tạo tin học, hệ thống học tập trực tuyến (E - learning) cho các Bộ môn có ứng dụng CNTT; các hệ thống bán hàng trực tuyến.

- Xây dựng, quản lý các tài nguyên công nghệ thông tin của doanh nghiệp

- Thiết kế, xây dựng và quản trị các hệ thống web ứng dụng trong các lĩnh vực: bán hàng trực tuyến, thông tin (tin tức truyền thông), công thông tin điện tử.

- Tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát quá trình lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống máy tính, chuyển giao công nghệ và ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực hoạt động chuyên môn.

- Có khả năng làm việc độc lập, có kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc theo nhóm, tổ chức sản xuất và triển khai công nghệ.

- Có tư duy độc lập, sáng tạo; Có khả năng suy luận, kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình logic, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại.

- Kèm cặp, hướng dẫn được các thợ bậc thấp hơn.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm

- Nhận thức được vị trí, trách nhiệm của mình; có đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; làm việc theo nhóm, có phương pháp làm việc khoa học, tư duy sáng tạo.

- Có thiên hướng phát triển chuyên sâu trong lĩnh vực nghề nghiệp.

- Làm việc độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân trong điều kiện làm việc thay đổi; có thái độ phục vụ và trách nhiệm công dân. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã được định sẵn.

- Đánh giá được hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện công việc.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng Tin học ứng dụng, sinh viên có khả năng tiếp tục học liên thông lên bậc Đại học tại các trường Đại học trong và ngoài nước hoặc có thể làm việc ngay trong các lĩnh vực:

- Các công ty phát triển phần mềm, thiết kế website, gia công phần mềm; các công ty tư vấn – thiết kế giải pháp mạng, giải pháp CNTT;

- Nhân viên văn phòng.

- Nhân viên bán hàng trên mạng.

- Nhân viên kỹ thuật tại các công ty dịch vụ tin học.

- Nhân viên IT tại các công ty, cơ quan, xí nghiệp

- Nhân viên hợp tác gia công thiết kế web, lập trình tại các công ty.

- Nhân viên hỗ trợ công tác cập nhật, bảo trì trang Web cơ quan, doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp, công ty bảo trì, lắp ráp, phân phối máy tính và các thiết bị tin học;

- Các cơ quan, nhà máy, trường học, ngân hàng,..., các doanh nghiệp có ứng dụng CNTT và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực CNTT.

**\* Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

Sau khi tốt nghiệp, người học đều có khả năng tiếp cận những kiến thức chuyên ngành, có khả năng nghiên cứu, sáng tạo, học tập và nâng cao trình độ ở bậc học Đại học và sau Đại học.

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các học phần chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1	Chính trị	4	75	41	29	5
2	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
5	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	5	120	42	72	6
6	Tin học	3	75	15	58	2
<b>II</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>70</b>	<b>1515</b>	<b>425</b>	<b>1046</b>	<b>44</b>
<b>II.1</b>	<b>Học phần cơ sở</b>	<b>28</b>	<b>645</b>	<b>185</b>	<b>442</b>	<b>18</b>
7	Toán ứng dụng	2	45	15	28	2
8	Lắp ráp & Cài đặt máy tính	4	90	30	58	2
9	Nhập môn lập trình	3	75	20	53	2
10	Cơ sở dữ liệu	3	75	20	53	2
11	Mạng máy tính	3	75	20	53	2
12	Lập trình ứng dụng	4	90	30	58	2
13	Phân tích thiết kế HT thông tin	3	75	20	53	2
14	Đồ họa ứng dụng 1 (Phtoto Shop)	3	60	15	43	2
15	Đồ họa ứng dụng 2 (Corel)	3	60	15	43	2
<b>II.2</b>	<b>Học phần chuyên ngành</b>	<b>34</b>	<b>690</b>	<b>180</b>	<b>488</b>	<b>22</b>
16	Hệ quản trị CSDL SQL Server	3	60	15	43	2
17	Tiếng anh chuyên ngành	3	60	15	43	2
18	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	3	60	15	43	2
19	Đồ án Web	3	60	15	43	2
20	Quản trị mạng 1	3	60	15	43	2
21	Thiết kế và lập trình Web	4	90	30	58	2
22	Quản lý dự án CNTT	3	60	15	43	2
23	Kiểm thử phần mềm	3	60	15	43	2
24	Công nghệ mạng không dây	3	60	15	43	2
25	Quản trị mạng 2	3	60	15	43	2
26	Đồ án quản trị mạng	3	60	15	43	2
<b>II.3</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 2/4 HP)</b>	<b>8</b>	<b>180</b>	<b>60</b>	<b>116</b>	<b>4</b>
27	Vận hành & Bảo trì hệ thống mạng	4	90	30	58	2
28	An toàn & Bảo mật hệ thống mạng	4	90	30	58	2
29	Lập trình Java	4	90	30	58	2
30	Quản trị WebServer & MailServer	4	90	30	58	2

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>III</b>	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>7</b>	<b>285</b>	<b>15</b>	<b>270</b>	<b>0</b>
31	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	12 tuần
32	Khóa luận tốt nghiệp	2	60	15	45	2 tuần
<b>Tổng cộng</b>		<b>97</b>	<b>2235</b>	<b>597</b>	<b>1571</b>	<b>67</b>

**Tên ngành, nghề** : CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG

**Mã ngành, nghề** : 6510103

**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng

**Hình thức đào tạo** : Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:**

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT.

**Thời gian đào tạo** : 2,5 năm

### **1.1. Mục tiêu chung**

Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng trình độ cao đẳng là ngành, nghề chuyên về lĩnh vực thi công, tư vấn, thiết kế, tổ chức thi công, quản lý giám sát và nghiệm thu các công trình xây dựng và dân dụng, công trình xây dựng công nghiệp phục vụ đời sống con người như; nhà ở, nhà hàng khách sạn, nhà xưởng, bệnh viện..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người học nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng được trang bị các kiến thức về toán ứng dụng, các phần mềm thiết kế và quản lý thi công. Ngoài ra người học được trang bị các kiến thức về lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp như: trắc địa, kết cấu xây dựng; các phương pháp thí nghiệm chuyên ngành phục vụ công tác thi công, tư vấn, giám sát và tổ chức thi công công trình xây dựng. Bên cạnh đó sinh viên cũng có khả năng kiểm tra vật liệu, chất lượng công trình và an toàn lao động, nắm vững các giải pháp bảo vệ môi trường và quy định pháp luật trong xây dựng.

Người làm nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng có rất nhiều sự lựa chọn cho công việc, các công việc làm ở ngoài công trường như: cán bộ kỹ thuật, giám sát thi công, chỉ huy công trình; trong công xưởng như giám sát nội bộ, quản lý chất lượng; tại văn phòng như lập dự toán, lập hồ sơ mời thầu, thiết kế... Phần lớn nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng làm việc ngoài công trường và trong công xưởng nên đòi hỏi người làm nghề này phải có sức khỏe tốt, có khả năng làm việc trên cao, có độ tập trung, có kiến thức kỹ năng về bảo hộ an toàn, chuyên môn cao.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **1.2.1. Về kiến thức**

- Trình bày được quy trình an toàn trong thi công công trình bao gồm thao tác đào đất, giàn giáo, làm việc trên cao, an toàn điện và các quá trình thi công khác; các biện pháp bảo hộ cá nhân;
- Trình bày được phương pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phương pháp xử lý nước thải trong thi công và chất thải rắn xây dựng;
- Phân biệt được loại, cấp công trình xây dựng; phạm vi áp dụng các tiêu chuẩn;
- Trình bày được quy cách, tính chất của các loại vật liệu thường dùng trong xây dựng;
- Trình bày được các bộ phận cấu thành công trình xây dựng; phương pháp tính toán một số bộ phận kết cấu trong công trình xây dựng (cột, dầm, sàn, ...);
- Tính toán được các loại tải trọng và tổ hợp tải trọng tác dụng lên công trình;
- Trình bày được quy trình tính toán và phân tích được kết quả nội lực các cấu kiện cơ bản;
- Phân tích được số liệu của bảng thống kê địa chất;



- So sánh ưu, nhược điểm của các loại vật liệu; vẽ được biểu đồ bao vật liệu cho dầm;
- So sánh được ưu, nhược điểm của các phương án kết cấu; đề xuất được phương án kết cấu phù hợp với địa chất, công năng sử dụng;
  - Định nghĩa được các loại kí hiệu, kí tự, chú thích trong bản vẽ xây dựng;
  - Trình bày phương pháp tính khối lượng đối với từng công tác đất, thép, bê tông, cốp pha, xây, trát, ốp, lát, sơn; phương pháp lập dự toán một số hạng mục công trình cơ bản;
  - Trình bày được biện pháp thi công đối với các hạng mục trong công trình xây dựng ;
  - Trình bày được nguyên tắc thiết kế tổ chức thi công công trình xây dựng;
  - Áp dụng được tiêu chuẩn kỹ thuật và xác định được phương pháp đọc bản vẽ thi công công xây dựng;
    - Mô tả rõ tính năng, tác dụng và phạm vi sử dụng các loại dụng cụ cầm tay;
    - Trình bày được phương pháp nhận biết cấp đất, loại đất; các biện pháp xử lý nền móng; trình tự và phương pháp xác định tim móng, vát móng bằng thủ công, đào đắp đất bằng thủ công, bằng máy;
    - Trình bày được trình tự và phương pháp gia công, lắp dựng cốt thép, cốp pha, giàn giáo; trình tự và phương pháp thi công lắp đặt kết cấu thép;
    - Trình bày được phương pháp trộn vữa, bê tông bằng thủ công, bằng máy; trình tự, phương pháp trộn, vận chuyển, san, đầm, làm mặt, bảo dưỡng bê tông; trình tự thi công một số kết cấu bê tông: móng, cột, dầm, sàn, tường và xử lý được mạch ngừng bê tông;
    - Trình bày được trình tự và phương pháp xây, trát, ốp, lát, bả matít, lăn sơn, lắp đặt goong cửa, lắp dựng khuôn cửa, lắp đặt thiết bị vệ sinh, lợp ngói;
    - Phân tích được định mức vật liệu, nhân công trong thi công đất và gia cố nền móng, thi công bê tông cốt thép, thi công kết cấu thép; thi công kết cấu xây, thi công hoàn thiện;
    - Phân tích được các sai hỏng thường gặp trong quá trình thi công các sản phẩm xây dựng; các nguyên nhân xảy ra các hư hỏng, lỗi kỹ thuật trong các sản phẩm xây dựng;
    - Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Thực hiện quy trình an toàn trong thao tác đào đất, giàn giáo, làm việc trên cao;
- Đọc hiểu được hồ sơ bản vẽ thiết kế; lựa chọn được nội dung và phạm vi áp dụng của từng tiêu chuẩn trong thiết kế, thi công xây dựng;
- Sử dụng được phần mềm vẽ kỹ thuật Autocad và một số phần mềm chuyên dụng trong xây dựng; xây dựng bản vẽ theo đúng những tiêu chuẩn cơ bản trong vẽ kỹ thuật; vẽ được các loại hình chiếu: chiếu bằng, chiếu đứng, mặt cắt;
- Tính toán được khối lượng các công việc trong thi công công trình dân dụng và công nghiệp; lập được dự toán công trình xây dựng và dân dụng; tính toán được một số kết cấu bộ phận như cột, dầm, sàn, móng đơn; kiểm tra được khả năng chịu lực của các cấu kiện cơ bản; xử lý được tình huống kết quả tính không đủ khả năng chịu lực;
- Triển khai được hồ sơ bản vẽ theo yêu cầu và kết quả tính toán của cán bộ chủ trì thiết kế; lập biện pháp thi công, tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, tổng mặt bằng thi công;

- Lựa chọn và sử dụng được các thiết bị, dụng cụ, đồ nghề, dụng cụ chuyên dùng, dụng cụ đo kiểm tra trong nghề xây dựng; sửa chữa các thiết bị điện đơn giản đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn;

- Đo xác định tim trực, vạch dấu kích thước, cao trình để thi công các hạng mục công trình thành thạo; thực hiện thành thạo các công việc xác định tim mốc, vát móng bằng thủ công, đào đất; xử lý nền móng trường hợp đơn giản, đóng cọc cừ tràm, cọc tre, đệm cát;

- Thực hiện được công tác trộn bê tông, trộn vữa bằng thủ công, bằng máy; trộn, vận chuyển, san, đầm, làm mặt, bảo dưỡng bê tông;

- Thi công được một số kết cấu bê tông: móng, cột, dầm, sàn, tường và xử lý được mạch ngừng bê tông; một số kết cấu thép: cột thép, dầm thép, giằng thép, lan can;

- Xây được các kết cấu gạch đá: Móng, tường, trụ vuông chữ nhật, trụ liền tường, trụ tròn, gờ, vòm, lanh tô; lát, ốp được gạch tráng men, gạch chỉ, gạch trang trí; trát tường, trần, gờ, chi, phào, dầm, trần, hèm má cửa; bả matít, lăn sơn, lắp đặt thiết bị vệ sinh, khuôn cửa, goong cửa;

- Lập được phiếu nghiệm thu, bàn giao theo mẫu quy định; thực hiện được công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm xây dựng.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ vào trong công việc, giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế khi thực hiện công việc, có tác phong công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động;

- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ xác định;

- Đánh giá chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Thi công đất và gia cố nền móng;

- Thi công ván khuôn, giàn giáo;

- Thi công cốt thép;

- Thi công bê tông;

- Thi công lắp dựng kết cấu thép;

- Thi công kết cấu gạch đá;

- Thi công hoàn thiện;

- Bóc tách khối lượng, dự toán và thanh quyết toán công trình;

- Thiết kế công trình dân dụng cấp IV.

**\* Khả năng học tập nâng cao trình độ**

- Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các học phần chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1	Chính trị	4	75	41	29	5
2	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
5	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
6	Tin học	3	75	15	58	2
<b>II</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>41</b>	<b>930</b>	<b>289</b>	<b>602</b>	<b>39</b>
<b>II.1</b>	<b>II.1 Học phần cơ sở</b>	<b>10</b>	<b>225</b>	<b>75</b>	<b>140</b>	<b>10</b>
7	Vật liệu và cấu kiện xây dựng	2	45	15	28	2
8	Chuyên đề Kiến trúc	2	45	15	28	2
9	Tin học ứng dụng (Sap 2000/Etabs)	2	45	15	28	2
10	Hình hoạ - Vẽ kỹ thuật	2	45	15	28	2
11	Tin học ứng dụng (Autocad)	2	45	15	28	2
<b>II.2</b>	<b>II.2 Học phần chuyên ngành</b>	<b>27</b>	<b>615</b>	<b>184</b>	<b>406</b>	<b>25</b>
12	Cơ học công trình	3	60	15	43	2
13	Kinh tế xây dựng	2	45	15	28	2
14	Thủy lực - Thủy văn	2	45	15	28	2
15	Cấp thoát nước + Môi trường XD	2	45	15	28	2
16	Trắc địa	2	45	15	28	2
17	Kết cấu thép - gỗ+ đồ án	2	45	15	28	2
18	Địa - Cơ kỹ thuật	2	45	15	28	2
19	Nền - Móng công trình + Đồ án	2	45	15	28	2
20	Máy xây dựng	2	45	15	28	2
21	Kỹ thuật thi công và An toàn lao động	2	45	15	28	2
22	Tổ chức quản lý công trình xây dựng	2	45	15	28	2
23	Đồ án kỹ thuật thi công	2	60	4	55	1
24	Dự toán xây dựng + phần mềm dự toán	2	45	15	28	2
<b>II.3</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 2/4 HP)</b>	<b>4</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>56</b>	<b>4</b>

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
25	Công nghệ xây dựng mới	2	45	15	28	2
26	Tư vấn giám sát thi công công trình XD	2	45	15	28	2
27	Sự cố công trình, nguyên nhân và biện pháp khắc phục	2	45	15	28	2
28	Luật xây dựng	2	45	15	28	2
<b>III</b>	<b>Thực tập, Thực hành, khóa luận TN</b>	<b>13</b>	<b>555</b>	<b>15</b>	<b>540</b>	<b>0</b>
29	Thực tập công nhân	4	180	0	180	4 tuần
30	Thực tập trắc địa	2	90	0	90	1 tuần
31	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	5 tuần
32	Khóa luận tốt nghiệp	2	60	15	45	2 tuần
<b>Tổng cộng</b>		<b>74</b>	<b>1920</b>	<b>461</b>	<b>1397</b>	<b>62</b>

**Tên ngành, nghề** : QUẢN LÝ XÂY DỰNG

**Mã ngành, nghề** : 6580301

**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng

**Hình thức đào tạo** : Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh**: - Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT.

**Thời gian đào tạo** : 2,5 năm

### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo cử nhân kỹ thuật trình độ Cao đẳng ngành Quản lý Xây dựng có phẩm chất chính trị, có đạo đức, tư cách, có sức khỏe, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn tương ứng để đáp ứng được các yêu cầu nhân lực cho ngành xây dựng.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **1.2.1. Về kiến thức**

- Hiểu biết về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ
- Nắm được các nguyên lý cơ bản về quản lý dự án, quản lý kinh tế và đầu tư trong xây dựng cơ bản nói chung để áp dụng vào chuyên ngành Quản lý xây dựng;
- Hiểu biết các kiến thức cơ bản về các loại hình công trình xây dựng và quy trình thiết kế, xây lắp và tổ chức thi công để tham gia quản lý dự án công trình xây dựng quy mô vừa và nhỏ;
- Hiểu biết các kiến thức cơ bản về xây dựng kế hoạch, chiến lược đầu tư, thiết lập và đánh giá được tính khả thi của các dự án xây dựng quy mô vừa và nhỏ;
- Hiểu biết các kiến thức cơ bản về công nghệ quản lý, khai thác các dự án xây dựng quy mô vừa và nhỏ trên phương diện kỹ thuật và kinh tế;
- Hiểu biết kiến thức chuyên nghiệp về công nghệ tính toán, thiết lập các hồ sơ mời thầu, dự thầu, hồ sơ thanh quyết toán công trình xây dựng cơ bản
- Hiểu biết các kiến thức cơ bản để tính toán, đánh giá hiệu quả kinh tế các dự án xây dựng quy mô vừa và nhỏ nhằm khắc phục sự rủi ro, lãng phí nguồn lực trong quá trình thực hiện cũng như vận hành, triển khai dự án;
- Hiểu biết các kiến thức cơ bản để tìm kiếm cơ hội nguồn vốn đầu tư trong xây dựng cơ bản và công trình khác;
- Đảm bảo đủ kiến thức để tiếp tục học tập liên thông ở bậc đào tạo cao hơn.

#### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Thực hiện quy trình an toàn trong thao tác đào đất, giàn giáo, làm việc trên cao;
- Đọc hiểu được hồ sơ bản vẽ thiết kế; lựa chọn được nội dung và phạm vi áp dụng của từng tiêu chuẩn trong thiết kế, thi công xây dựng;
- Sử dụng được phần mềm vẽ kỹ thuật Autocad và một số phần mềm chuyên dụng trong xây dựng; xây dựng bản vẽ theo đúng những tiêu chuẩn cơ bản trong vẽ kỹ thuật; vẽ được các loại hình chiếu: chiếu bằng, chiếu đứng, mặt cắt;
- Tính toán được khối lượng các công việc trong thi công công trình dân dụng và công nghiệp; lập được dự toán công trình xây dựng và dân dụng; tính toán được một số kết cấu bộ phận như cột, dầm, sàn, móng đơn; kiểm tra được khả năng chịu lực của các cấu kiện cơ bản; xử lý được tình huống kết quả tính không đủ khả năng chịu lực;
- Triển khai được hồ sơ bản vẽ theo yêu cầu và kết quả tính toán của cán bộ chủ trì

thiết kế; lập biện pháp thi công, tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, tổng mặt bằng thi công;

- Lựa chọn và sử dụng được các thiết bị, dụng cụ, đồ nghề, dụng cụ chuyên dùng, dụng cụ đo kiểm tra trong nghề xây dựng; sửa chữa các thiết bị điện đơn giản đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn;

- Đo xác định tim trục, vạch dấu kích thước, cao trình để thi công các hạng mục công trình thành thạo; thực hiện thành thạo các công việc xác định tim mốc, vát móng bằng thủ công, đào đất; xử lý nền móng trường hợp đơn giản, đóng cọc cừ tràm, cọc tre, đệm cát;

- Thực hiện được công tác trộn bê tông, trộn vữa bằng thủ công, bằng máy; trộn, vận chuyển, san, đầm, làm mặt, bảo dưỡng bê tông;

- Thi công được một số kết cấu bê tông: móng, cột, dầm, sàn, tường và xử lý được mạch ngừng bê tông; một số kết cấu thép: cột thép, dầm thép, giằng thép, lan can;

- Xây được các kết cấu gạch đá: Móng, tường, trụ vuông chữ nhật, trụ liền tường, trụ tròn, gờ, vòm, lanh tô; lát, ốp được gạch tráng men, gạch chỉ, gạch trang trí; trát tường, trần, gờ, chỉ, phào, dầm, trần, hèm má cửa; bả matít, lăn sơn, lắp đặt thiết bị vệ sinh, khuôn cửa, goong cửa;

- Lập được phiếu nghiệm thu, bàn giao theo mẫu quy định; thực hiện được công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm xây dựng.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ vào trong công việc, giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế khi thực hiện công việc, có tác phong công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động;

- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ xác định;

- Đánh giá chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề tại các Ban quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình xây dựng giao thông, thủy điện, thủy lợi và hạ tầng đô thị; các sở, ban, phòng quản lý dự án và quản lý đô thị, kiến trúc, tài nguyên, môi trường; các quỹ đầu tư phát triển; ngân hàng, kho bạc Nhà nước; các công ty tư vấn thiết kế, xây lắp; các đội thi công công trình xây dựng... Cụ thể với các chức trách chuyên môn và quản lý như sau:

- Đơn vị quản lý Nhà nước về xây dựng cơ bản: Cán bộ kỹ thuật quản lý dự án; các phòng kế hoạch- tài chính; kế toán, cán bộ kỹ thuật các bộ phận quản lý xây dựng cơ bản, quản lý đô thị, cơ sở hạ tầng, cán bộ phòng tín dụng, Ngân hàng, Quỹ đầu tư phát triển...

- Đơn vị thi công xây dựng: Cán bộ kỹ thuật các phòng quản lý đầu thầu, phòng kế hoạch vật tư; cán bộ giám sát, cán bộ quản lý kỹ thuật; cán bộ phụ trách các tổ, đội thi

công...Chuyên viên lập dự toán; hồ sơ thanh quyết toán; hồ sơ mời thầu, dự thầu...

- Đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế: Họạ viên kết cấu, kiến trúc;

- Đơn vị tư vấn quản lý xây dựng: Cán bộ quản lý, giám sát tiến độ, chi phí, chất lượng công trình xây dựng;

- Phòng thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình: Thí nghiệm vật liệu

**\* Khả năng học tập nâng cao trình độ**

- Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Quản lý xây dựng trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các học phần chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1	Chính trị	4	75	41	29	5
2	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
5	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
6	Tin học	3	75	15	58	2
<b>II</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>47</b>	<b>1140</b>	<b>278</b>	<b>824</b>	<b>38</b>
<b>II.1</b>	<b>Học phần cơ sở</b>	<b>12</b>	<b>270</b>	<b>75</b>	<b>185</b>	<b>10</b>
7	Kiến trúc và quy hoạch	2	45	15	28	2
8	Hình họạ - Vẽ kỹ thuật	2	45	15	28	2
9	Tin học ứng dụng: (Autocad)	3	60	15	43	2
10	Cơ học công trình	3	60	15	43	2
11	Vật liệu và Kết cấu xây dựng	3	60	15	43	2
<b>II.2</b>	<b>Học phần chuyên ngành</b>	<b>32</b>	<b>780</b>	<b>173</b>	<b>583</b>	<b>24</b>
12	Quản lý xây dựng chung	2	45	15	28	2
13	Nền - móng công trình	3	60	15	43	2
14	Kỹ thuật Thi Công và An toàn LĐ	3	60	15	43	2
15	Tổ chức TC và quản lý công trình XD và Bài tập lớn	3	60	15	43	2
16	Luật xây dựng	2	45	15	28	2
17	Kinh tế và quản trị kinh doanh xây dựng	2	45	15	28	2
18	Dự toán xây dựng & Phần mềm dự toán	3	60	15	43	2
19	Lập, phân tích và quản lý dự án đầu tư XD	3	60	15	43	2

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
20	Đồ án: Lập và phân tích dự án đầu tư XD	3	90	4	85	1
21	Quản lý kỹ thuật và chất lượng dự án XD	2	45	15	28	2
22	Tin học ứng dụng (phần mềm Project)	3	60	15	43	2
23	Đấu thầu-Chỉ định thầu và hợp đồng xây lắp	3	60	15	43	2
24	Đồ án "Đấu thầu xây lắp"	3	90	4	85	1
<b>II.3</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 2/4 HP)</b>	<b>4</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>56</b>	<b>4</b>
25	Thẩm định và giám định dự án đầu tư XD	2	45	15	28	2
26	Thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình	2	45	15	28	2
27	Trắc địa	2	45	15	28	2
28	Máy xây dựng	2	45	15	28	2
<b>III</b>	<b>Thực tập, Thực hành và khóa luận TN</b>	<b>11</b>	<b>465</b>	<b>15</b>	<b>450</b>	<b>0</b>
29	Thực tập thực tế ngành	4	180	0	180	4 tuần
30	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	5 tuần
31	Khóa luận tốt nghiệp	2	60	15	45	2 tuần
<b>Tổng cộng</b>		<b>78</b>	<b>2040</b>	<b>450</b>	<b>1529</b>	<b>61</b>



**Tên ngành, nghề** : CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT KIẾN TRÚC

**Mã ngành, nghề** : 6510101

**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng

**Hình thức đào tạo** : Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** - Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT.

**Thời gian đào tạo** : 2,5 năm

## 1.1. Mục tiêu chung

Công nghệ kỹ thuật Kiến trúc trình độ cao đẳng là nghề đặc thù giữa hai lĩnh vực kỹ thuật và nghệ thuật. Công việc của nghề gồm thiết lập và triển khai các bản vẽ, hồ sơ thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, kiến trúc qui hoạch, thiết kế nội ngoại thất. Tư vấn công nghệ kỹ thuật kiến trúc nội ngoại thất, giám sát, kiểm tra việc thi công và lắp đặt theo đúng bản vẽ thiết kế, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề “Công nghệ kỹ thuật Kiến trúc” quản lý, giám sát, hướng dẫn người khác hoặc trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ lập và triển khai các hồ sơ thiết kế kiến trúc, qui hoạch, nội ngoại thất bằng các phần mềm đồ họa chuyên dụng theo đúng tiêu chuẩn và qui định. Kiểm tra, giám sát việc thi công xây dựng, hoàn thiện và lắp đặt nội, ngoại thất theo đúng bản vẽ thiết kế.

Các nhiệm vụ chính của nghề: Triển khai hồ sơ bản vẽ thiết kế công trình, kiến trúc qui hoạch, thiết kế nội ngoại thất, diễn họa kiến trúc. Tư vấn công nghệ, kỹ thuật kiến trúc nội thất. Giám sát kỹ thuật thi công hoàn thiện nội, ngoại thất cho các công trình xây dựng. Quản lý hồ sơ thiết kế.

Nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc thường làm việc trong các phòng thiết kế nên người làm nghề phải có sức khỏe tốt, có độ tập trung, có kiến thức kỹ năng về sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên ngành, chuyên môn cao, có kỹ năng cập nhập công nghệ mới, phần mềm mới.

## 1.2. Mục tiêu cụ thể

### 1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về 5S trong lĩnh vực của ngành nghề;
- Trình bày được kiến thức cơ bản về sinh thái học, hệ sinh thái, ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường; phương thức “Xanh hóa” trong kỹ thuật xây dựng;
- Nhận biết được các loại vật liệu, và cập nhật kiến thức về các loại vật liệu mới;
- Trình bày được những quy định và quy trình thiết kế;
- Trình bày được qui tắc thiết kế kiến trúc, qui hoạch, thiết kế đô thị, thiết kế kiến trúc nội, ngoại thất;
- Trình bày được các phương pháp sáng tác, diễn họa hình ảnh, mô hình... cho các dự án kiến trúc;
- Trình bày được qui trình kiểm tra và giám sát thi công hoàn thiện và lắp đặt nội thất công trình kiến trúc theo đúng bản vẽ thiết kế;
- Trình bày các phương án thiết kế kiến trúc, nội thất, tư vấn về sản phẩm nội thất;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Lập được các giải pháp tổng thể trong việc bảo vệ môi trường; thực hành được các biện pháp bảo vệ môi trường trong cuộc sống và công việc;
- Giám sát thực hiện được 5S trong công việc và quản lý lưu trữ hồ sơ thiết kế;
- Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp hiệu quả, phân tích được tình hình, định hướng được hoạt động của bản thân và tổ, nhóm;
- Sử dụng thành thạo các phần mềm vẽ 2D, 3D trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng;
- Lựa chọn được các loại vật liệu, phương tiện,... theo quy chuẩn công nghệ xây dựng xanh;
- Sử dụng thành thạo dụng cụ đo, vẽ và một số thiết bị chuyên dùng trong nghề kiến trúc;
- Thực hiện thành thạo việc sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên ngành trong việc lập và triển khai bản vẽ thiết kế, thiết kế kỹ thuật thi công các dự án kiến trúc, qui hoạch và thiết kế đô thị, thiết kế nội, ngoại thất;
- Giám sát được việc thi công xây dựng theo đúng bản vẽ thiết kế;
- Diễn họa được các hình ảnh, mô hình, video.. cho các dự án kiến trúc;
- Kiểm tra, giám sát được việc thi công lắp đặt hoàn thiện nội thất theo đúng qui chuẩn, tiêu chuẩn qui định, đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Tư vấn được cho khách hàng các dịch vụ thiết kế kiến trúc, nội thất và các sản phẩm nội thất;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Thực hiện độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc như: triển khai các hạng mục trong hồ sơ bản vẽ thiết kế kiến trúc, thiết kế kỹ thuật thi công các dự án kiến trúc, quy hoạch, thiết kế đô thị, nội, ngoại thất;
- Hướng dẫn, giám sát những người trong nhóm thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm khi thực hiện công việc;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, thẳng thắn;
- Sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào công việc thực tế của nghề và Xử lý được những vấn đề phức tạp của nghề nảy sinh trong quá trình làm việc.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Triển khai chi tiết thiết kế kiến trúc công trình;
- Triển khai chi tiết thiết kế quy hoạch- thiết kế đô thị;
- Triển khai thiết kế chi tiết nội – ngoại thất;
- Diễn họa kiến trúc (mô hình, 3D, video, ảnh, panô..);
- Giám sát kỹ thuật thi công nội thất- ngoại thất công trình;
- Tư vấn công nghệ, kỹ thuật kiến trúc nội thất;
- Quản lý hồ sơ công trình.

\* *Khả năng học tập, nâng cao trình độ*

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được

sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các học phần chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1	Chính trị	4	75	41	29	5
2	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
5	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
6	Tin học	3	75	15	58	2
<b>II</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>50</b>	<b>1080</b>	<b>395</b>	<b>617</b>	<b>38</b>
<b>II.1</b>	<b>Học phần cơ sở</b>	<b>14</b>	<b>300</b>	<b>90</b>	<b>198</b>	<b>12</b>
7	Quản lý dự án	2	45	15	28	2
8	Vẽ Mỹ thuật	2	45	15	28	2
9	Hình học họa hình (Hình họa)	2	45	15	28	2
10	Kết cấu bê tông cốt thép	2	45	15	28	2
11	Nhập môn kiến trúc và cơ sở kiến trúc	3	60	15	43	2
12	Cơ sở tạo hình kiến trúc	3	60	15	43	2
<b>II.2</b>	<b>Học phần chuyên ngành</b>	<b>32</b>	<b>690</b>	<b>249</b>	<b>419</b>	<b>22</b>
13	Cấu tạo kiến trúc	5	90	60	26	4
14	Thiết kế kiến trúc	4	90	30	56	4
15	Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công trình	2	45	15	28	2
16	Điện & Cấp thoát nước công trình	2	45	15	28	2
17	Lịch sử kiến trúc	3	60	15	43	2
18	Tin học chuyên ngành (AutoCad, 3D)	2	45	15	28	2
19	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	15	28	2
20	Đồ án cơ sở 1 (thiết kế shop)	2	45	5	38	2
21	Đồ án cơ sở 2 (thiết kế nhà ở)	2	45	5	38	2
22	Đồ án dân dụng (TK Câu lạc bộ- thư viện)	2	45	5	38	2
23	Đồ án dân dụng 2 (TK khách sạn)	2	45	5	38	2
24	Đồ án dân dụng 3 (TK CT thể thao)	2	45	5	38	2
25	Đồ án tổng hợp	2	60	4	55	1
<b>II.3</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 2/6 HP)</b>	<b>4</b>	<b>90</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
26	Vật liệu xây dựng	2	45	15	28	2
27	Nền móng công trình	2	45	15	28	2

Mã MH/ MD	Tên học phần	Số TC	Thời gian học tập			
			Tổng	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
28	Tổ chức thi công	2	45	15	28	2
29	Trắc địa	2	45	15	28	2
30	Kỹ thuật hạ tầng đô thị	2	45	15	28	2
31	Vẽ ghi Kiến trúc	2	45	15	28	2
<b>II.4</b>	<b>Thực tập, Thực hành, Khóa luận TN</b>	<b>11</b>	<b>465</b>	<b>15</b>	<b>450</b>	<b>0</b>
32	Thực tập cơ sở	5	225	0	225	5 tuần
33	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180	4 tuần
34	Bảo vệ tốt nghiệp	2	60	15	45	2 tuần
<b>Tổng cộng</b>		<b>81</b>	<b>1995</b>	<b>567</b>	<b>1322</b>	<b>61</b>

**Tên ngành, nghề: MARKETING**

**Mã ngành, nghề: 6340116**

**Trình độ đào tạo: Cao đẳng**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương trở lên**

**Thời gian đào tạo: 2,5 năm**

### **1.1. Mục tiêu chung**

Marketing thương mại trình độ cao đẳng là ngành, nghề thực hiện các nhiệm vụ và công việc nhằm phát hiện ra các nhu cầu, mong muốn của khách hàng, sáng tạo giá trị, truyền thông giá trị, cung ứng giá trị nhằm thỏa mãn nhu cầu của các bên tham gia quá trình trao đổi của doanh nghiệp với khách hàng một cách hiệu quả nhất, đáp ứng được yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Nhiệm vụ chính của nghề bao gồm: Tìm hiểu về môi trường marketing và thị trường; xác định định hướng chiến lược marketing của tổ chức; xây dựng các đề xuất chào hàng cho khách hàng của tổ chức; quản lý và cung ứng các chương trình truyền thông marketing; xây dựng, thực hiện và quản lý các kế hoạch marketing; sử dụng, nghiên cứu và phát triển cơ sở dữ liệu khách hàng; xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu.

Điều kiện và môi trường làm việc: các hoạt động marketing thương mại được thực hiện ở các tổ chức với điều kiện môi trường làm việc nhiều biến động, có cạnh tranh, có quan hệ giao dịch với các khách hàng khác nhau, có tính chuyên nghiệp.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **1.2.1. Về kiến thức**

- Trình bày được các mục tiêu chiến lược marketing doanh nghiệp;
- Trình bày được quy trình lập kế hoạch các chương trình: Truyền thông, quảng cáo, tiếp thị, quảng bá thương hiệu...;
- Nhận biết được xu hướng vận động của thị trường;
- Phân tích được tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động marketing của doanh nghiệp;
- Phân tích được ảnh hưởng về hành vi tiêu dùng của khách hàng đối với các chính sách marketing của doanh nghiệp;
- Phân tích được xu thế phản ứng của người tiêu dùng khi lựa chọn sản phẩm của doanh nghiệp;
- Nhận biết và phân đoạn được các thị trường trọng điểm cho doanh nghiệp;
- Phân biệt được chiến lược marketing cho các nhóm khách hàng khác nhau
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

#### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Lập được kế hoạch thực hiện công việc;
- Xây dựng được các chiến lược marketing ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;
- Thiết lập và duy trì được chính sách giá của sản phẩm dịch vụ;
- Phân đoạn và lựa chọn được thị trường trọng điểm cho doanh nghiệp;
- Dự đoán được một số phản ứng của người tiêu dùng đối với việc lựa chọn sản phẩm của doanh nghiệp;
- Lập được kế hoạch và thực hiện được các chương trình: Truyền thông, quan hệ công chúng, quảng cáo, tiếp thị, quảng bá thương hiệu...;
- Tổ chức được các hoạt động marketing cho doanh nghiệp;

- Lập được dự toán kinh phí cho các hoạt động marketing;
- Lựa chọn được nhân lực cho hoạt động marketing của doanh nghiệp;
- Thiết lập được các kênh phân phối chào hàng, bán hàng và đề xuất các phương pháp cải tiến sản phẩm dịch vụ;
- Tổ chức được các chương trình huấn luyện - đào tạo đội ngũ nhân viên marketing;
- Ứng dụng được khoa học kỹ thuật vào hoạt động marketing;
- Đánh giá được hoạt động marketing của doanh nghiệp và đưa ra được những tư vấn hợp lý cho lãnh đạo doanh nghiệp;
- Sử dụng thành thạo các công cụ truyền thông thông dụng;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; khả năng giải quyết công việc vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; giao tiếp tốt với đồng nghiệp, với khách hàng;
- Hướng dẫn giám sát đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong phạm vi công việc được giao;
- Có khả năng đánh giá chất lượng, kết quả công việc của bản thân và nhóm sau khi hoàn thành công việc được giao.
- Thích nghi được với môi trường làm việc khác nhau;
- Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;
- Thích ứng được với sự thay đổi trong các thời kỳ công nghệ 4.0.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Marketing truyền thông;
- Dịch vụ khách hàng;
- Quản lý nhân hàng/ngành hàng;
- Thương hiệu;
- Truyền thông;
- Digital Marketing;
- Quản trị marketing truyền thông;
- Quản trị dịch vụ khách hàng;
- Quản trị thương hiệu;
- Quản trị Digital Marketing;
- Quản trị truyền thông.
- Bộ phận Marketing,
- Bộ phận Kinh doanh,
- Bộ phận chăm sóc khách hàng,
- Bộ phận Xúc tiến Thương mại...

#### **\* Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Marketing, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học

công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Mã MH/HP	Tên môn học, học phần	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học, học phần chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1	Chính trị	4	75	41	29	5
2	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
5	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
6	Tin học	3	75	15	58	2
<b>II</b>	<b>Các môn học, học phần chuyên môn</b>	<b>71</b>	<b>1560</b>	<b>540</b>	<b>980</b>	<b>40</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học, học phần cơ sở ngành</b>	<b>13</b>	<b>270</b>	<b>120</b>	<b>140</b>	<b>10</b>
7	Kinh tế vi mô	2	45	15	28	2
8	Quản trị học	2	45	15	28	2
9	Marketing căn bản	3	60	30	28	2
10	Nguyên lý kế toán	3	60	30	28	2
11	Kỹ năng giao tiếp	3	60	30	28	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học, học phần chuyên ngành</b>	<b>52</b>	<b>1170</b>	<b>390</b>	<b>754</b>	<b>26</b>
12	Quản trị chất lượng	4	90	30	58	2
13	Tiếng anh chuyên ngành	4	90	30	58	2
14	Quản trị marketing	4	90	30	58	2
15	Thống kê kinh doanh	4	90	30	58	2
16	Hành vi người tiêu dùng	4	90	30	58	2
17	Nghiên cứu marketing	4	90	30	58	2
18	Chiến lược marketing	4	90	30	58	2
19	Quan hệ chăm sóc khách hàng	4	90	30	58	2
20	Chính sách giá	4	90	30	58	2
21	Chính sách phân phối	4	90	30	58	2
22	Quảng cáo và khuyến mãi	4	90	30	58	2
23	Bán hàng và quản trị bán hàng	4	90	30	58	2
24	Quan hệ công chúng	4	90	30	58	2
<b>II.3</b>	<b>Môn học, học phần tự chọn (chọn 2/4 môn)</b>	<b>6</b>	<b>120</b>	<b>30</b>	<b>86</b>	<b>4</b>
25	Thương mại điện tử	3	60	15	43	2
26	Marketing bán lẻ	3	60	15	43	2
27	Đàm phán trong kinh doanh	3	60	15	43	2
28	Lập kế hoạch kinh doanh	3	60	15	43	2

Mã MH/ HP	Tên môn học, học phần	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
<b>III</b>	<b>Thực tập, thực tế và Khóa luận TN</b>	<b>12</b>	<b>510</b>	<b>15</b>	<b>495</b>	<b>0</b>
29	Thực tập tại cơ sở	5	225	0	225	5 tuần
30	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	5 tuần
31	Khóa luận tốt nghiệp	2	60	15	45	2 tuần
<b>Tổng cộng</b>		<b>103</b>	<b>2505</b>	<b>712</b>	<b>1730</b>	<b>63</b>



**Tên ngành, nghề** : KẾ TOÁN

**Mã ngành, nghề** : 6340301

**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng

**Hình thức đào tạo** : Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh**: Tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương

**Thời gian đào tạo** : 2,5 năm

### 1.1. Mục tiêu chung

- Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế xã hội, tài chính tiền tệ, kế toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán được giao.

- Có thể giúp kế toán trưởng trong công tác điều hành nghiệp vụ chuyên môn phát sinh và hệ thống sổ sách kế toán.

- Hiểu biết phương pháp ghi chép, hướng dẫn và xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và hệ thống sổ sách kế toán.

- Nắm vững phương pháp ghi chép sổ sách kế toán bằng phần mềm kế toán và phần mềm báo cáo thuế và lập được hệ thống báo cáo kế toán.

- Có tính độc lập, sáng tạo, trung thực và chính xác khi xử lý các vấn đề phát sinh trong chuyên môn.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- Lập được chứng từ, kiểm tra phân loại chứng từ kế toán.

- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ tổng hợp và chi tiết.

- Lập được báo cáo thuế và báo cáo tài chính.

- Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán.

- Phân tích được cơ bản tình hình kinh tế tài chính trong doanh nghiệp.

- Có đủ kiến thức và các khả năng hoạt động trong lĩnh vực kinh tế nói chung và tài chính kế toán nói riêng với nhiệm vụ của nhân viên kế toán doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ...

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận tốt các vị trí tại các bộ phận chức năng kế toán, kiểm toán ở các doanh nghiệp; các Bộ, ngành và các cơ quan nhà nước; các đơn vị liên doanh liên kết; các ngân hàng hoặc các tổ chức quốc tế.

- Có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.

- Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ đại học trong nước hoặc ở nước ngoài.

Mã MH/HP	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học, học phần chung</b>	<b>16</b>	<b>450</b>	<b>212</b>	<b>214</b>	<b>24</b>
1	Chính trị	4	90	60	24	6
2	Pháp luật	2	30	21	7	2
3	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	60	15	
5	Tin học	3	75	17	54	4
6	Ngoại ngữ	5	120	50	62	8
<b>II</b>	<b>Các môn học, học phần chuyên môn</b>	<b>71</b>	<b>1425</b>	<b>436</b>	<b>1140</b>	<b>59</b>

Mã MH/ HP	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>II.1</b>	<b>Các môn học, học phần cơ sở ngành</b>	<b>11</b>	<b>165</b>	<b>98</b>	<b>57</b>	<b>10</b>
7	Kinh tế vi mô	3	45	30	13	2
8	Quản trị học	2	30	20	8	2
9	Marketing căn bản	2	30	20	8	2
10	Nguyên lý kế toán	2	30	20	8	2
11	Kỹ năng giao tiếp	2	30	8	20	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học, học phần chuyên ngành</b>	<b>46</b>	<b>780</b>	<b>303</b>	<b>642</b>	<b>45</b>
12	Kỹ năng ngành	2	30	8	20	2
13	Thuế Nhà Nước	3	45	30	13	2
14	Kế toán tài chính 1	4	60	30	55	5
15	Thống kê doanh nghiệp	3	45	30	13	2
16	Kế toán tài chính 2	4	60	30	55	5
17	Kế toán hành chính sự nghiệp	4	60	30	55	5
18	Tin ứng dụng	2	30	10	18	2
19	Kế toán tài chính doanh nghiệp	4	60	30	55	5
20	Kế toán xây dựng cơ bản	4	60	30	55	5
21	Phân tích hoạt động kinh doanh	4	60	30	55	5
22	Kế toán quản trị	2	30	15	13	2
23	Tổ chức công tác kế toán	4	60	30	55	5
24	Thực hành kế toán	6	180		180	
<b>II.3</b>	<b>Môn học, học phần tự chọn ( thay cho khóa luận tốt nghiệp - chọn 2/4 môn)</b>	<b>14</b>	<b>480</b>	<b>35</b>	<b>441</b>	<b>4</b>
25	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	45	20	23	2
26	Kiểm toán	3	45	20	23	2
27	Thanh toán quốc tế	2	30	15	13	2
28	Kế toán thương mại- dịch vụ	2	30	15	13	2
29	Khóa luận tốt nghiệp	5	225		225	
30	Thực tập tốt nghiệp	4	180		180	8 tuần
<b>Tổng cộng</b>		<b>87</b>	<b>1875</b>	<b>648</b>	<b>1354</b>	<b>83</b>

**Tên ngành, nghề** : TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

**Mã ngành, nghề** : 6340202

**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng

**Hình thức đào tạo** : Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh**: Tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương.

**Thời gian đào tạo** : 2,5 năm

### 1.1. Mục tiêu chung

Tài chính - Ngân hàng là ngành nghề liên quan đến các dịch vụ giao dịch, luân chuyển tiền tệ thông qua ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các công cụ tài chính của ngân hàng phát hành trong phạm vi nội địa và quốc tế; lĩnh vực tài chính tại các doanh nghiệp.

Nghề Tài Chính -Ngân hàng là nghề thực hiện các công việc: nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng (cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, tài trợ nhập khẩu, tài trợ xuất khẩu), nghiệp vụ thanh toán, kế toán ngân hàng thương mại, nghiệp vụ kho quỹ, xử lý rủi ro tín dụng, thẩm định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp, phân tích và quản trị tài chính, môi giới chứng khoán.

Nhiệm vụ chính của nghề:

- Nghề Tài chính là theo dõi vốn, dòng tiền của công ty, của doanh nghiệp. Nghề tài chính thực hiện việc đưa ra quyết định về vay tiền hay thoả thuận các hợp đồng về tài chính. Người quản lý tài chính là người liên quan tới hầu như các lĩnh vực của một công ty;

- Nghề Tài chính - Ngân hàng là thực hiện các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng (cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, tài trợ xuất nhập khẩu...), thực hiện nghiệp vụ thanh toán (thanh toán cá nhân, thanh toán doanh nghiệp, thanh toán trong nước và quốc tế), nghiệp vụ đầu tư tài chính và một số nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Việc luân chuyển tiền tệ trong nền kinh tế và việc sử dụng tài chính trong doanh nghiệp được vận hành giống như các mạch máu trong cơ thể, nó có nhiệm vụ đảm bảo hoạt động cho toàn bộ hệ thống của nền kinh tế. Do đó, nền kinh tế có phát triển hay khủng hoảng thì triển vọng việc làm của ngành không bao giờ hạn hẹp. Với những kiến thức và kỹ năng được đào tạo khi học nghề Tài Chính - Ngân hàng trình độ cao đẳng, người lao động có thể làm việc ở các đơn vị cơ quan như:

- Ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính ngân hàng và các loại hình doanh nghiệp khác, các tổ chức tài chính; quỹ đầu tư, sàn giao dịch chứng khoán;
- Công ty bảo hiểm, công ty tài chính, quỹ tín dụng hoặc làm nhân viên kế toán của các công ty;
- Bộ phận tài chính của các công ty, tập đoàn.

Nghề Tài chính - Ngân hàng trình độ cao đẳng đòi hỏi các kỹ năng mềm cần thiết để đáp ứng nhu cầu của công việc như kỹ năng giao tiếp với khách hàng, giới thiệu sản phẩm, thuyết phục khách hàng, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng tin học, kỹ năng quản lý thời gian, tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, làm việc theo nhóm... để đáp ứng yêu cầu của từng vị trí công việc và yêu cầu làm việc trong môi trường đầy năng động và giàu tính cạnh tranh và toàn cầu hóa. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng; xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề.

Để hành nghề, người lao động phải có sức khỏe tốt, đạo đức nghề nghiệp tốt, có

đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng; xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể**

### **1.2.1. Về kiến thức**

- Kiến thức đại cương:
    - + Trình bày được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quân sự và rèn luyện sức khỏe;
    - + Trình bày được các kiến thức về chính trị, kinh tế, xã hội để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận vấn đề thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng.
  - Kiến thức cơ sở ngành:
    - + Trình bày được các khái niệm cơ bản về tài chính tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, quản trị học, kế toán;
    - + Trình bày được các khái niệm, công thức toán tài chính;
    - + Trình bày được kiến thức ngoại ngữ cơ bản đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam
    - + Trình bày được kiến thức tin học trong công tác Tài chính - Ngân hàng đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản;
    - + Các kiến thức cơ sở ngành sẽ là cơ sở để nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu của ngành.
  - Kiến thức chuyên ngành:
    - + Liệt kê, mô tả được các biểu mẫu, chứng từ ngân hàng liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng (tín dụng cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, tài trợ thương mại), kho quỹ, thẩm định tín dụng, xử lý nợ, kế toán;
    - + Liệt kê được quy trình thực hiện các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng (tín dụng cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, tài trợ thương mại), kho quỹ, thẩm định tín dụng, xử lý nợ;
    - + Trình bày được các kiến thức, nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp, kế toán ngân hàng;
    - + Liệt kê được các rủi ro trong hoạt động tín dụng ngân hàng; trình bày được các bước trong quy trình xử lý rủi ro tín dụng ngân hàng;
    - + Trình bày được cách thức thực hiện các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán;
    - + Trình bày được một số chỉ tiêu tài chính sử dụng đánh giá tình hình kinh tế, ngân hàng và thị trường tài chính;
    - + Trình bày và phân tích được các chỉ tiêu tài chính để định giá tài sản doanh nghiệp, thẩm định tài sản và quản trị tài chính.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Kỹ năng nhận thức:
  - + Vận dụng tư duy, sáng tạo, giao tiếp, lập luận, thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm khi thực hiện công việc;
  - + Vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào thực tiễn, từng bước phát triển năng lực nghề nghiệp;
  - + Lập luận, nghiên cứu, tính toán và phân tích dữ liệu, xử lý tình huống và giải

quyết các vấn đề trong công việc;

+ Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

+ Lập được kế hoạch tổ chức và thực hiện công việc theo kế hoạch;

+ Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Kỹ năng thực hành nghề:

+ Lập được các chứng từ, phân loại, kiểm tra, xử lý các chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng (tín dụng cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, tài trợ thương mại), kho quỹ, thẩm định tín dụng, xử lý nợ, quản trị tài chính, môi giới chứng khoán;

+ Thực hiện được các công việc theo các bước trong quy trình của nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ tín dụng (cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán...), kho quỹ, thẩm định tín dụng, quản trị tài chính, thẩm định tài sản, môi giới chứng khoán;

+ Hạch toán được các nghiệp vụ kế toán, lập được các báo cáo theo quy định của pháp luật.

+ Dự báo, phát hiện được các rủi ro tín dụng, đề ra được các biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng;

+ Thực hiện được các bước xử lý rủi ro tín dụng;

+ Áp dụng được các phương pháp, các công thức tính toán để phân tích tài chính;

+ Tính toán, phân tích được các chỉ tiêu tài chính thực hiện công việc định giá giá trị doanh nghiệp, định giá tài sản, quản trị tài chính;

+ Thực hiện được việc phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực dịch vụ Tài chính - Ngân hàng;

+ Vận dụng được lý thuyết vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước;

- Cần cù, chịu khó, sáng tạo, cầu tiến trong công việc;

- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo và tổ chức;

- Thực hiện nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;

- Đoàn kết, hợp tác, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp trong công việc;

- Làm việc có phương pháp khoa học, có tính tổ chức kỷ luật;

- Tự tin, chủ động trong xác định mục đích, yêu cầu công việc, cách thức thực hiện công việc;

- Phân tích, giải quyết vấn đề, đúc kết kinh nghiệm, cải tiến công việc được giao;

- Tự đánh giá được kết quả công việc của bản thân và kết quả công việc của nhóm;

- Thích nghi và xử lý được những vấn đề phức tạp, thích ứng được khi điều kiện làm việc thay đổi;

- Chịu được áp lực công việc;

- Ý thức trách nhiệm, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Giao dịch - thanh toán;
- Kho quỹ;
- Tín dụng;
- Xử lý nợ;
- Thẩm định tài sản;
- Môi giới chứng khoán;
- Quản trị tài chính;
- Kế toán.

#### \* **Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Tài chính - Ngân hàng trình độ Cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học, học phần chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1	Chính trị	4	75	41	29	5
2	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
5	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
6	Tin học	3	75	15	58	2
<b>II</b>	<b>Các môn học, học phần chuyên môn</b>	<b>52</b>	<b>1065</b>	<b>425</b>	<b>602</b>	<b>38</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học, học phần cơ sở ngành</b>	<b>10</b>	<b>225</b>	<b>75</b>	<b>140</b>	<b>10</b>
7	Kinh tế vi mô	2	45	15	28	2
8	Quản trị học	2	45	15	28	2
9	Marketing căn bản	2	45	15	28	2
10	Nguyên lý kế toán	2	45	15	28	2
11	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học, học phần chuyên ngành</b>	<b>36</b>	<b>720</b>	<b>300</b>	<b>396</b>	<b>24</b>
12	Tài chính – Tiền tệ	3	60	25	33	2
13	Nghiệp vụ Thuế	3	60	25	33	2

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi / Kiểm tra
14	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	60	25	33	2
15	Thanh toán quốc tế	3	60	25	33	2
16	Phân tích tín dụng và cho vay	3	60	25	33	2
17	Tài chính doanh nghiệp	3	60	25	33	2
18	Ngân hàng trung ương	3	60	25	33	2
19	Kế toán tài chính doanh nghiệp	3	60	25	33	2
20	Kế toán ngân hàng	3	60	25	33	2
21	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	60	25	33	2
22	Thẩm định dự án đầu tư	3	60	25	33	2
23	Thị trường chứng khoán	3	60	25	33	2
<b>II.3</b>	<b>Môn học, học phần tự chọn (chọn 2/4)</b>	<b>6</b>	<b>120</b>	<b>50</b>	<b>66</b>	<b>4</b>
24	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	60	25	33	2
25	Hệ thống thông tin quản lý ngân hàng	3	60	25	33	2
26	Tài chính công	3	60	25	33	2
27	Marketing ngân hàng	3	60	25	33	2
<b>III</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>11</b>	<b>465</b>	<b>15</b>	<b>450</b>	<b>0</b>
28	Thực tập tại doanh nghiệp	4	180	0	180	4 tuần
29	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	5 tuần
30	Khóa luận tốt nghiệp	2	60	15	45	2 tuần
<b>Tổng cộng</b>		<b>83</b>	<b>1965</b>	<b>597</b>	<b>1307</b>	<b>61</b>